

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM)
JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness**

Số/ No. : 208/2026/CV-MASHCM
V/v: Công bố thông tin điện tử Báo cáo tài chính
năm 2025
Information disclosure of Financial Statements
for Y2025

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026
HCMC, March 31, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK
INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC INFORMATION PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE STOCK EXCHANGE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**

**To: The State Securities Commission
The Vietnam Stock Exchange**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)/ Mirae Asset Securities (Viet Nam)
JSC**

Mã chứng khoán/ Stock code:

Địa chỉ trụ sở chính/ Head office: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường
Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 7th Floor, Le Meridien Building, 3C Ton Duc Thang, Sai Gon
Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Người thực hiện công bố thông tin/ Person in charge of information disclosure: Nguyễn Thị
Thu Vân – Giám đốc Vận hành/ Nguyen Thi Thu Van – Chief Operating Officer

Địa chỉ/ Address: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ
Chí Minh/ 7th Floor, Le Meridien Building, 3C Ton Duc Thang, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh
City

Điện thoại (cơ quan)/ Telephone (office): 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Loại thông tin công bố/ Type of disclosed information:

24 giờ/ 24 hours 72 giờ/72 hours bất thường/ Extraordinary

theo yêu cầu/ Upon request định kỳ/ Periodic

Nội dung thông tin công bố/ Contents of the disclosed information:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025
Audit Financial Statements for Y2025



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn như sau: <https://www.masvn.com/cate/bao-cao-tai-chinh-11>
This information was disclosed on the Company's website on March 31, 2026 at the following link: <https://www.masvn.com/cate/bao-cao-tai-chinh-11>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We hereby certify that the information disclosed above is truthful and accurate, and we take full legal responsibility for the contents of the disclosed information.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) JSC**

**Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorized person for information disclosure**

Giám đốc Vận hành

Chief Operating Officer



Nguyễn Thị Thu Vân





**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
121/GP-UBCK	ngày 8 tháng 1 năm 2016
130/GP-UBCK	ngày 24 tháng 11 năm 2021
14/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 3 năm 2024
76/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2025
34/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 3 năm 2026

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng
ký Doanh nghiệp số**

0305389969 ngày 24 tháng 11 năm 2021

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0305389969 ngày 12 tháng 3 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huh Hong Suk	Chủ tịch (từ ngày 3 tháng 3 năm 2026)
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Chủ tịch (từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 đến ngày 2 tháng 3 năm 2026)
Ông Kang Moon Kyung	Chủ tịch (đến ngày 28 tháng 8 năm 2025)
Ông Huh Hong Suk	Thành viên (từ ngày 3 tháng 6 năm 2025)
Ông Seong Jun Yeop	Thành viên (từ ngày 4 tháng 11 năm 2025)
Ông Lee Dong Won	Thành viên (từ ngày 4 tháng 11 năm 2025)
Ông Kim Seung Wook	Thành viên (từ ngày 4 tháng 11 năm 2025)
Ông Rhee Jung Ho	Thành viên (đến ngày 2 tháng 6 năm 2025)
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên (đến ngày 3 tháng 11 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Oh Eun Sang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên
Bà Mai Diệu Trúc	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Hoàng Yến	Tổng Giám đốc (từ ngày 3 tháng 3 năm 2026)
Ông Huh Hong Suk	Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 đến ngày 2 tháng 3 năm 2026)
Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 8 năm 2025)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Tổng Giám đốc (từ ngày 3 tháng 3 năm 2026) Chủ tịch (từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 đến ngày 2 tháng 3 năm 2026)
	Ông Huh Hong Suk	Chủ tịch (từ ngày 3 tháng 3 năm 2026) Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 đến ngày 2 tháng 3 năm 2026)
	Ông Kang Moon Kyung	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 8 năm 2025)
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 7, Tòa nhà Sài Gòn Royal 91 Pasteur, Phường Sài Gòn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Chi nhánh Sài Gòn	Tầng 8, Tòa nhà Pearl 5 05 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Chi nhánh Vũng Tàu	102A Lê Hồng Phong, Phường Vũng Tàu Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Chi nhánh Cách Mạng Tháng Tám	Tầng 10, Tòa nhà Viettel 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Hòa Hưng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Chi nhánh Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà Kim Hưng 306 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Lợi Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà Văn phòng Trung tâm Hà Nội 44B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Chi nhánh Thăng Long	Tầng 14, Tòa nhà Gelex 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Chi nhánh Cần Thơ	Tầng 7, Tòa nhà Royal Tower 10 Quang Trung, Phường Hưng Phú Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	
Chi nhánh Đà Nẵng	01 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	
Chi nhánh Hải Phòng	135 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Bà Nguyễn Hoàng Yến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 62.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 25-01-00552-26-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

042

NH

.TY

PN

PH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		22.013.923.718.194	22.636.207.328.773
I Tài sản tài chính (“TSTC”)	110		21.915.041.663.128	22.566.244.099.010
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.130.059.244.443	767.855.659.758
1.1 Tiền	111.1		645.059.244.443	287.855.659.758
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		485.000.000.000	480.000.000.000
2 Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	1.687.557.547.212	1.256.624.358.477
3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)	113	7(b)	200.000.000.000	850.000.000.000
4 Các khoản cho vay	114	7(d)	18.591.252.740.236	19.181.527.546.801
5 TSTC sẵn sàng để bán (“AFS”)	115	7(c)	398.814.522.371	323.724.062.379
6 Dự phòng suy giảm giá trị TSTC và tài sản thế chấp	116	8	(127.288.943.700)	(127.288.943.700)
7 Các khoản phải thu	117	9	14.092.871.661	273.568.464.054
7.1 Phải thu từ bán TSTC	117.1		830.796.000	253.903.238.000
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	117.2		13.262.075.661	19.665.226.054
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		13.262.075.661	19.665.226.054
8 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		8.024.673.682	15.516.916.962
9 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119		7.237.739.666	4.977.924.585
12 Các khoản phải thu khác	122		5.291.267.557	19.738.109.694
II Tài sản ngắn hạn khác	130		98.882.055.066	69.963.229.763
1 Tạm ứng	131		151.144.320	276.956.405
3 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10(a)	18.584.779.827	28.673.892.649
4 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		200.000	200.000
7 Tài sản ngắn hạn khác	137	11	80.145.930.919	41.012.180.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		102.194.428.468	103.353.072.165
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		572.618.000	572.618.000
2 Các khoản đầu tư	212		572.618.000	572.618.000
2.4 Đầu tư dài hạn khác	212.4	12	572.618.000	572.618.000
II Tài sản cố định	220		50.136.747.270	47.008.109.769
1 Tài sản cố định hữu hình	221	13	21.476.341.281	23.922.674.999
<i>Nguyên giá</i>	222		74.576.789.558	66.689.374.658
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223a		(53.100.448.277)	(42.766.699.659)
2 Tài sản cố định vô hình	227	14	28.660.405.989	23.085.434.770
<i>Nguyên giá</i>	228		71.476.734.877	55.548.584.750
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229a		(42.816.328.888)	(32.463.149.980)
V Tài sản dài hạn khác	250		51.485.063.198	55.772.344.396
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	13.210.515.499	13.067.871.374
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	8.132.105.558	12.582.285.010
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	17	20.000.000.000	20.000.000.000
5 Tài sản dài hạn khác	255	18	10.142.442.141	10.122.188.012
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.116.118.146.662	22.739.560.400.938

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		12.412.632.904.912	13.194.161.236.952
I Nợ phải trả ngắn hạn	310		12.378.195.068.877	13.171.438.536.047
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	19	11.676.325.000.000	12.242.624.500.000
1.1 Vay ngắn hạn	312		11.676.325.000.000	12.242.624.500.000
8 Phải trả người bán ngắn hạn	320		310.320.007.177	356.333.738.246
9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		50.000.000	50.000.000
10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	74.022.905.517	100.471.014.900
12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		166.628.000	412.110.264
13 Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	232.113.264.281	234.088.899.026
15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		3.000.000	44.818.182
17 Các khoản phải trả khác ngắn hạn	329	22	85.194.263.902	237.413.455.429
II Nợ phải trả dài hạn	340		34.437.836.035	22.722.700.905
12 Dự phòng phải trả dài hạn	354		4.649.610.991	6.278.307.076
14 Thuế TNDN hoãn lại phải trả	356	16	29.788.225.044	16.444.393.829
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.703.485.241.750	9.545.399.163.986
I Vốn chủ sở hữu	410		9.703.485.241.750	9.545.399.163.986
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		5.455.500.000.000	5.455.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		1.135.000.000.000	1.135.000.000.000
2 Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		122.872.588.971	70.800.220.977
7 Lợi nhuận chưa phân phối	417		2.990.112.652.779	2.884.098.943.009
7.1 Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		2.929.385.199.549	2.862.962.881.981
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		60.727.453.230	21.136.061.028
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		22.116.118.146.662	22.739.560.400.938

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
A. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY			
8 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lru ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty	008	953.435.140.000	802.299.980.000
9 Chứng khoán đang lưu ký tại VSDC và chưa được giao dịch	009	1.660.000	3.380.000
12 TSTC chưa lưu ký tại VSDC	012	220.819.427.400	213.018.150.100
13 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	013	-	200.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư	021	33.470.746.407.600	38.318.872.181.000
<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>30.040.178.907.600</i>	<i>36.241.250.911.000</i>
<i>b. TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>710.096.670.000</i>	<i>161.610.370.000</i>
<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>	<i>2.282.388.680.000</i>	<i>1.067.493.180.000</i>
<i>d. TSTC phong tỏa</i>	<i>021.4</i>	<i>105.980.000</i>	<i>362.667.300.000</i>
<i>e. TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>	<i>437.976.170.000</i>	<i>485.850.420.000</i>
2 TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022	107.369.430.000	165.362.480.000
<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>107.369.430.000</i>	<i>165.362.480.000</i>
6 Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư	025	339.502.780.000	611.863.430.000
7 Tiền gửi của nhà đầu tư	026	3.709.799.847.232	2.466.810.202.560
7.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	2.604.792.464.352	1.466.183.834.730
7.3 Tiền tổng hợp giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư	028	1.105.007.382.880	1.000.626.367.830

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	3.709.799.847.232	2.466.810.202.560
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	2.525.293.437.794	2.047.166.795.656
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	1.184.506.409.438	419.643.406.904

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Bà Nguyễn Hoàng Yến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B02 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01		574.794.843.302	200.236.136.797
<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.1	25(a)	521.820.636.721	162.854.410.898
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.2	25(b)	52.277.454.417	25.690.005.563
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.3	25(c)	696.752.164	11.691.720.336
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư HTM	02	25(c)	72.621.750.720	134.751.768.886
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25(c)	1.711.377.921.080	1.554.327.580.539
1.4 Lãi từ tài sản tài chính AFS	04	25(c)	481.701.000	481.648.013
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		578.890.378.977	600.332.364.972
1.8 Doanh thu tư vấn nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	08		6.976.271.451	10.659.908.733
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		19.875.253.421	26.362.556.163
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11		20.753.850.415	7.445.794.042
Cộng doanh thu hoạt động	20		2.985.771.970.366	2.534.597.758.145
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		415.489.508.562	116.456.418.860
<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.1	25(a)	402.803.446.347	114.984.656.667
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.2	25(b)	12.686.062.215	1.471.762.193
2.4 Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	26	888.981.011.965	782.849.249.287
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	27	568.242.918.014	599.547.797.917
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		22.215.446.650	29.250.505.612
2.12 Chi phí khác	32		-	1.225.000
Cộng chi phí hoạt động	40		1.894.928.885.191	1.528.105.196.676
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	51		4.985.000.000	-
Cộng chi phí tài chính	60		4.985.000.000	-
VI CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	28	198.157.314.227	185.339.549.934
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 – 40 – 60 – 62)	70		887.700.770.948	821.153.011.535

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		101.034.855	391.886.583
8.2 Chi phí khác	72		2.069.724.292	735.739
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80		(1.968.689.437)	391.150.844
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)				
	90		885.732.081.511	821.544.162.379
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		846.140.689.309	797.325.919.009
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		39.591.392.202	24.218.243.370
X CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)				
	100	29	180.268.371.741	162.556.314.112
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		179.942.632.524	162.671.541.828
10.2 Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2		325.739.217	(115.227.716)
XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)				
	200		705.463.709.770	658.987.848.267
XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN				
	300		52.072.367.994	30.856.028.244
12.1 Lãi đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	301	30	52.072.367.994	30.856.028.244
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 300)	400		52.072.367.994	30.856.028.244

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Hoàng Yên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	2025 VND	2024 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	885.732.081.511	821.544.162.379
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	780.060.321.793	690.935.059.788
Khấu hao và phân bổ	03	20.686.927.526	16.833.310.316
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	4.985.000.000	-
Chi phí lãi	06	767.650.469.928	693.766.975.526
Dự thu tiền lãi	08	(13.262.075.661)	(19.665.226.054)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	12.686.062.215	1.471.762.193
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	12.686.062.215	1.471.762.193
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(52.277.454.417)	(25.690.005.563)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(52.277.454.417)	(25.690.005.563)
5 Thay đổi của vốn lưu động	30	10.002.638.610	(5.763.399.853.011)
Tăng các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(391.341.796.533)	(824.286.879.996)
Giảm các khoản đầu tư HTM	32	650.000.000.000	280.000.000.000
Giảm/(tăng) các khoản cho vay	33	590.274.806.565	(4.508.635.846.165)
Tăng các tài sản tài chính AFS	34	(23.018.091.998)	(30.714.007.061)
Giảm/(tăng) thu từ bán tài sản tài chính	35	253.072.442.000	(253.394.868.000)
Giảm thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	36	19.665.226.054	43.538.779.627
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung	37	(2.259.815.081)	(349.075.082)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	14.446.842.137	(18.979.756.453)
Tăng các tài sản khác	40	(39.170.836.379)	(3.753.077.304)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả	41	(1.975.634.745)	45.752.861.103
Giảm chi phí trả trước	42	14.539.292.274	19.450.927.274
Thuế TNDN đã nộp	43	(185.470.680.413)	(151.301.624.683)
Tiền lãi vay đã trả	44	(767.650.469.928)	(662.819.925.289)
(Giảm)/tăng phải trả người bán	45	(38.611.027.587)	342.714.277.745
(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi	46	(245.482.264)	73.957.564
(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	47	(21.245.800.711)	8.572.140.730
Giảm phải trả khác	50	(61.054.056.397)	(49.267.737.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	1.636.203.649.712	(4.275.138.874.214)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	2025 VND	2024 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(23.815.565.027)	(13.418.149.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(23.815.565.027)	(13.418.149.413)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	54.703.342.155.000	40.590.039.875.881
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(55.274.626.655.000)	(38.065.703.375.881)
Tiền chi trả cổ tức	76	(678.900.000.000)	(856.401.643.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(1.250.184.500.000)	1.667.934.856.164
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	362.203.584.685	(2.620.622.167.463)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	767.855.659.758	3.388.477.827.221
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	1.130.059.244.443	767.855.659.758
▪ Tiền	103.1	645.059.244.443	287.855.659.758
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	485.000.000.000	480.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	2025 VND	2024 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	218.620.172.509.650	220.224.006.676.538
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(211.227.602.183.399)	(221.164.163.129.096)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	387.345.910.588.044	364.857.694.492.859
<i>Nhận/(chi) tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC</i>	07.1	87.564.633.418	(893.337.965.174)
Chi trả phí thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(393.495.491.269.623)	(365.882.551.684.056)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	1.242.989.644.672	(1.965.013.643.755)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	30	2.466.810.202.560	4.431.823.846.315
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	2.466.810.202.560	4.431.823.846.315
▪ <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý</i>	32	1.466.183.834.730	3.285.323.142.515
▪ <i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	34	1.000.626.367.830	1.146.500.703.800
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	3.709.799.847.232	2.466.810.202.560
Tiền gửi ngân hàng cuối năm			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	3.709.799.847.232	2.466.810.202.560
▪ <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý</i>	42	2.604.792.464.352	1.466.183.834.730
▪ <i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	44	1.105.007.382.880	1.000.626.367.830

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Hoàng Yến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 7 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 3 năm 2026 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 6.950.500 triệu VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 580 nhân viên (1/1/2025: 598 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL và tài sản tài chính AFS được đo lường theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý như được trình bày tại Thuyết minh (3d) và Thuyết minh (3h), báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được phòng ngừa rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f) và 3(g); và
- Các tài sản tài chính AFS: xem Thuyết minh 3(h).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Thị trường của Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại trái phiếu chưa niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá trị hợp lý là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được quỹ công bố.

Đối với các chứng chỉ tiền gửi, giá trị hợp lý được phản ánh theo giá gốc.

(e) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch âm giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay và tạm ứng tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản phải thu hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

010
C
CỔ
NH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng các tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

(h) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Tài sản tài chính AFS là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư HTM; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL.

Các tài sản tài chính AFS bao gồm cổ phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ quỹ. Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần “Thu nhập toàn diện khác” trên báo cáo kết quả hoạt động và “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính AFS tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được xác định như sau:

- Cổ phiếu chưa niêm yết: giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu của ba (3) công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan của Công ty;
- Chứng chỉ quỹ: giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(i) Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

120
NH
3 T
PN
HỒ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn của Công văn số 6190/BTC-CDKT do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL”.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ tự doanh phái sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL”.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai được ghi nhận và trình bày tại khoản mục “Tài sản dài hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Doanh thu môi giới chứng khoán”.

Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của nhà đầu tư được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính tại khoản mục “Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý”.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

10/20/2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 - 5 năm |
| ▪ phương tiện vận tải | 5 năm |
-

(k) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí thành viên câu lạc bộ golf

Phí thành viên câu lạc bộ golf được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 năm.

(ii) Chi phí cải tạo văn phòng

Chi phí cải tạo văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



(n) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này có mức cổ tức tùy theo quyết định của Công ty, không có nghĩa vụ chuyển giao tiền hay tài sản tài chính khác và không có yêu cầu phải thanh toán bằng một số lượng có thể thay đổi công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty. Do đó, cổ tức tùy theo quyết định của Công ty được ghi nhận là phân phối vốn chủ sở hữu theo nghị quyết của các cổ đông của Công ty.

(q) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 sẽ được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”) và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 có thể được dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan khác.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(r) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ VSDC (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(s) Chi phí

(i) Lỗ từ bán TSTC

Lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ VSDC (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chi tiêu “Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

(iii) Chi phí cho nghiệp vụ môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán

Chi phí môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Chi phí từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính của năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Công ty theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	1.130.051.497.443	767.855.659.758
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL (ii)	1.364.604.768.174	897.143.210.477
Các khoản đầu tư HTM – ngắn hạn (i)	200.000.000.000	850.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (iii)	18.591.252.740.236	19.181.527.546.801
Các khoản phải thu (iii)	14.092.871.661	273.568.464.054
Phải thu các dịch vụ cung cấp (iii)	7.237.739.666	4.977.924.585
Các khoản phải thu khác (iii)	5.291.267.557	19.738.109.694
Tạm ứng (iii)	151.144.320	276.956.405
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (iii)	200.000	200.000
Tài sản ngắn hạn khác (iv)	80.145.930.919	41.012.180.709
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (iii)	13.210.515.499	13.067.871.374
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán (iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác (iv)	10.142.442.141	10.122.188.012
	<hr/>	<hr/>
	21.436.181.117.616	22.079.290.311.869

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư HTM

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư HTM của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Công ty giới hạn các mức rủi ro tín dụng bằng cách đầu tư vào các chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp và các phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Danh mục đầu tư các TSTC này được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận đầu tư và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của các TSTC này là không đáng kể.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu, tạm ứng, cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện tín dụng chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm.

Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay, các khoản phải thu và các tài sản khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến các khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	127.288.943.700
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	127.288.943.700	-
	<hr/>	<hr/>
	127.288.943.700	127.288.943.700

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và các tài sản khác

Đây là các khoản tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh, tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo các quy định có liên quan của VSDC. Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản tiền ký quỹ này là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	11.676.325.000.000	12.026.471.979.947	12.026.471.979.947
Phải trả người bán	310.320.007.177	310.320.007.177	310.320.007.177
Chi phí phải trả ngắn hạn	172.239.169.281	172.239.169.281	172.239.169.281
Các khoản phải trả khác ngắn hạn	85.194.263.902	85.194.263.902	85.194.263.902
	12.244.078.440.360	12.594.225.420.307	12.594.225.420.307
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	12.242.624.500.000	12.836.206.980.094	12.836.206.980.094
Phải trả người bán	356.333.738.246	356.333.738.246	356.333.738.246
Chi phí phải trả ngắn hạn	186.630.399.026	186.630.399.026	186.630.399.026
Các khoản phải trả khác ngắn hạn	237.413.455.429	237.413.455.429	237.413.455.429
	13.023.002.092.701	13.616.584.572.795	13.616.584.572.795

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”). Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ với các ngân hàng thương mại.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả và cam kết kỳ hạn tiền tệ chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	(321.000.000)	(8.382.340.000.000)	(435.000.000)	(10.887.780.000.000)
Cam kết giao dịch kỳ hạn tiền tệ (mua)	176.000.000	4.562.660.000.000	435.000.000	10.887.780.000.000
Vị thế tiền tệ thuần	(145.000.000)	(3.819.680.000.000)	-	-

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2025	1/1/2025
USD/VND	26.377	25.291

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận sau thuế VND
31/12/2025	
USD (mạnh thêm 4% so với đồng VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	122.229.760.000

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	1.130.051.497.443	767,850,557,758
Các khoản đầu tư HTM – ngắn hạn	200.000.000.000	850.000.000.000
Các khoản cho vay – thuần	18.463.963.796.536	19.054.238.603.101
Tài sản ngắn hạn khác	80.145.930.919	41.012.180.709
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	10.142.442.141	10.122.188.012
Vay ngắn hạn	(3.289.000.000.000)	(1.354.844.500.000)
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	(8.387.325.000.000)	(10.887.780.000.000)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi

Trong năm 2025, tỷ lệ biến động giữa lãi suất cao nhất và thấp nhất của lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có đảm bảo (“SOFR”) là xấp xỉ 0,85% (2024: tỷ lệ biến động giữa lãi suất cao nhất và thấp nhất là xấp xỉ 1,10%). Nếu lãi suất tăng hoặc giảm 0,85% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 1,10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận thuần của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 57.033.810.000 VND (1/1/2025: 95.812.464.000 VND).

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh các cổ phiếu ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tổng Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục cổ phiếu ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
- Cổ phiếu niêm yết	705.700	705.700	97.670.382.135	97.670.382.135
- Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	77.790.338	77.790.338	5.593.865	5.593.865
- Chứng chỉ tiền gửi	254.600.188.000	254.600.188.000	100.622.941.477	100.622.941.477
- Trái phiếu	1.110.004.580.174	1.110.004.580.174	796.520.269.000	796.520.269.000
- Chứng chỉ quỹ	322.874.283.000	322.874.283.000	261.805.172.000	261.805.172.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.130.059.244.443	1.130.059.244.443	767.855.659.758	767.855.659.758
▪ Các khoản cho vay – thuần	18.463.963.796.536	18.463.963.796.536	19.054.238.603.101	19.054.238.603.101
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	7.237.739.666	7.237.739.666	4.977.924.585	4.977.924.585
▪ Các khoản phải thu khác	5.291.267.557	5.291.267.557	19.738.109.694	19.738.109.694
▪ Tạm ứng	151.144.320	151.144.320	276.956.405	276.956.405
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000	200.000	200.000	200.000
▪ Tài sản ngắn hạn khác	80.145.930.919	80.145.930.919	41.012.180.709	41.012.180.709
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13.210.515.499	(*)	13.067.871.374	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	20.000.000.000	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	10.142.442.141	(*)	10.122.188.012	(*)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2025	1/1/2025
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>		
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Vay ngắn hạn	(11.676.325.000.000)	(11.676.325.000.000)
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(310.320.007.177)	(310.320.007.177)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(232.113.264.281)	(232.113.264.281)
▪ Các khoản phải trả khác	(85.194.263.902)	(85.194.263.902)
	200.000.000.000	850.000.000.000
	(12.242.624.500.000)	(12.242.624.500.000)
	(356.333.738.246)	(356.333.738.246)
	(234.088.899.026)	(234.088.899.026)
	(237.413.455.429)	(237.413.455.429)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường của các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	7.747.000	5.102.000
Tiền gửi ngân hàng	645.027.070.893	287.842.107.321
Tiền gửi bù trừ và thanh toán	24.426.550	8.450.437
Các khoản tương đương tiền (i)	485.000.000.000	480.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1.130.059.244.443	767.855.659.758

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là từ 2,70% đến 4,00% (1/1/2025: từ 2,70% đến 4,60%).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm 485 tỷ VND (1/1/2025: 480 tỷ VND) được cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2025		2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	23.172.270	1.025.895.264.460	18.861.562	656.287.742.630
Chứng chỉ quỹ	48.448.600	708.813.462.600	31.497.800	464.776.905.000
Chứng chỉ tiền gửi	20.320	20.048.598.351.306	8.651.658	44.392.173.115.836
Trái phiếu	484.174.477	87.814.185.612.916	206.452.482	31.834.151.670.395
Hợp đồng tương lai	44.112	7.484.686.595.000	27.100	3.474.789.038.000
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	18.549.719.878	443.429.138.976.730	20.015.486.972	444.561.086.129.750
Chứng chỉ quỹ	30.394.199	518.389.090.270	31.011.359	524.489.490.950
Trái phiếu	35.194.852	4.977.822.639.823	36.006.291	6.126.816.964.163
Chứng quyền có bảo đảm	272.260.704	400.118.692.130	325.544.517	446.069.906.660
Hợp đồng tương lai	2.537.377	418.988.872.972.000	2.508.461	320.951.642.458.000
	19.445.966.789	985.396.521.657.235	20.676.048.202	853.432.283.421.384



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	2.724.631	705.700	97.425.791.229	97.670.382.135
Cổ phiếu chưa niêm yết	77.790.338	77.790.338	5.593.865	5.593.865
Chứng chỉ tiền gửi (i)	254.600.188.000	254.600.188.000	100.622.941.477	100.622.941.477
Trái phiếu	1.110.004.580.174	1.110.004.580.174	796.520.269.000	796.520.269.000
Chứng chỉ quỹ	262.144.810.839	322.874.283.000	240.913.701.878	261.805.172.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.626.830.093.982	1.687.557.547.212	1.235.488.297.449	1.256.624.358.477

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản chứng chỉ tiền gửi với mệnh giá là 200 tỷ VND được cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (1/1/2025: không có) (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tình hình biến động giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL trong năm như sau:

	Số lượng	31/12/2025		Số lượng	1/1/2025	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết						
TNA	137	1.683.153	506.900	-	-	-
SJF	64	707.060	108.800	-	-	-
TTB	50	334.418	90.000	-	-	-
QNS	-	-	-	108.000	5.232.560.000	5.400.000.000
VEA	-	-	-	90.000	3.467.178.824	3.582.000.000
LHG	-	-	-	90.000	3.219.410.000	3.195.000.000
ACB	-	-	-	110.250	2.891.000.000	2.844.450.000
IDC	-	-	-	45.000	2.640.000.000	2.506.500.000
BSR	-	-	-	125.000	2.639.961.538	2.850.000.000
VPB	-	-	-	130.000	2.608.500.000	2.496.000.000
Cổ phiếu khác	-	-	-	2.511.656	74.727.180.867	74.796.432.135
	251	2.724.631	705.700	3.209.906	97.425.791.229	97.670.382.135
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Cổ phiếu khác	1.499	77.790.338	77.790.338	236	5.593.865	5.593.865
Chứng chỉ tiền gửi	250	254.600.188.000	254.600.188.000	6	100.622.941.477	100.622.941.477

Trái phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số lượng	31/12/2025		1/1/2025		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu Chính phủ	2.500.000	307.655.500.000	307.655.500.000	3.500.000	349.656.500.000	349.656.500.000
Trái phiếu doanh nghiệp	1.303.627	802.349.080.174	802.349.080.174	1.400.300	446.863.769.000	446.863.769.000
	3.803.627	1.110.004.580.174	1.110.004.580.174	4.900.300	796.520.269.000	796.520.269.000
Chứng chỉ quỹ						
MAFM VN30 ETF	7.188.900	138.315.396.727	178.356.609.000	7.466.600	119.469.900.259	121.556.248.000
KIM GROWTH VN30 ETF	4.448.400	48.871.876.961	61.254.468.000	1.501.200	11.896.992.516	13.465.764.000
ETF MAFM VNDIAMOND	3.439.900	49.418.211.122	56.104.769.000	4.764.600	59.416.231.913	67.466.736.000
FUEKIVND	775.100	10.714.486.472	11.145.938.000	-	-	-
KIM Growth VNFINSELECT	560.700	10.266.039.378	9.851.499.000	2.801.000	28.661.478.459	36.693.100.000
FUEVN100	100.000	2.451.912.613	2.552.000.000	-	-	-
VFM VN30 ETF	100.000	2.106.887.566	3.609.000.000	-	-	-
ETF KIM GROWTH VN DIAMOND	-	-	-	1.023.200	12.726.688.197	12.861.624.000
ETF DCVFM VN30	-	-	-	100.000	2.106.887.566	2.348.000.000
SSIAM FINLEAD ETF	-	-	-	100.000	1.986.291.144	2.210.000.000
ETF SSIAM VNX50	-	-	-	100.000	1.792.895.000	2.010.000.000
SSIAM ETF VN30 (FUESSV30)	-	-	-	100.000	1.540.710.434	1.670.000.000
FPT CAPITAL VNX50 ETF	-	-	-	100.000	993.912.390	1.182.000.000
IPAAM VN100 ETF	-	-	-	40.200	321.714.000	341.700.000
	16.613.000	262.144.810.839	322.874.283.000	18.096.800	240.913.701.878	261.805.172.000
	20.418.627	1.626.830.093.982	1.687.557.547.212	26.207.248	1.235.488.297.449	1.256.624.358.477

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư HTM

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (i)	200.000.000.000	200.000.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
	200.000.000.000	200.000.000.000	850.000.000.000	850.000.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi ngân hàng này có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 1 năm và hưởng lãi suất năm là 4.80% (1/1/2025: từ 4,00% đến 6,10%).

(c) TSTC sẵn sàng để bán

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch				
SMV	10.516.976.313	17.100.385.500	10.516.976.313	17.100.385.500
Chứng chỉ quỹ				
MAGEF	116.706.809.845	226.588.595.882	116.706.809.845	173.285.252.284
MAFF	100.000.000.000	132.834.000.000	100.000.000.000	124.837.200.000
FVEF	8.000.000.000	10.766.166.484	8.000.000.000	8.501.224.595
KDEF	5.000.000.000	6.471.310.000	-	-
MAFBAL	5.000.000.000	5.054.064.505	-	-
	234.706.809.845	381.714.136.871	224.706.809.845	306.623.676.879
	245.223.786.158	398.814.522.371	235.223.786.158	323.724.062.379



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(d) Các khoản cho vay**

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	17.219.640.357.003	17.092.351.413.303	18.255.339.840.298	18.128.050.896.598
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	1.371.612.383.233	1.371.612.383.233	926.187.706.503	926.187.706.503
	18.591.252.740.236	18.463.963.796.536	19.181.527.546.801	19.054.238.603.101

(i) Cho vay giao dịch ký quỹ là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, các khoản cho vay này có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày giải ngân theo quy định và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,024%/ngày đến 0,036%/ngày.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất từ 0,024%/ngày đến 0,036%/ngày và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày giao dịch.

8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	127.288.943.700	127.288.943.700	127.288.943.700	127.288.943.700

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản phải thu**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu từ bán TSTC	830.796.000	253.903.238.000
Dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	13.262.075.661	19.665.226.054
	<hr/>	<hr/>
	14.092.871.661	273.568.464.054
	<hr/>	<hr/>

10. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí tư vấn khoản vay	4.126.603.358	15.992.325.504
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	8.821.317.066	2.744.271.736
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	779.400.003	1.555.200.000
Chi phí quảng cáo	-	4.255.947.879
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	4.857.459.400	4.126.147.530
	<hr/>	<hr/>
	18.584.779.827	28.673.892.649
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí cải tạo văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phí thành viên câu lạc bộ golf VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.536.400.317	4.635.142.189	746.710.732	3.664.031.772	12.582.285.010
Tăng trong năm	3.977.078.927	921.915.400	-	3.044.656.635	7.943.650.962
Phân bổ trong năm	(4.146.375.204)	(3.585.669.393)	(39.802.426)	(4.621.983.391)	(12.393.830.414)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.367.104.040	1.971.388.196	706.908.306	2.086.705.016	8.132.105.558
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh	80.145.930.919	41.012.180.709

Theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC, Công ty phải ký quỹ tại VSDC bằng khoản tiền hoặc chứng khoán và phải đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tại mọi thời điểm không được thấp hơn tỷ lệ tối thiểu do VSDC quy định.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 và ngày 1/1/2025			Dự phòng VND
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam	14,99	572.618.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.975.873.400	63.713.501.258	66.689.374.658
Tăng trong năm	-	7.887.414.900	7.887.414.900
Số dư cuối năm	2.975.873.400	71.600.916.158	74.576.789.558
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.913.790.242	40.852.909.417	42.766.699.659
Khấu hao trong năm	335.394.684	9.998.353.934	10.333.748.618
Số dư cuối năm	2.249.184.926	50.851.263.351	53.100.448.277
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.062.083.158	22.860.591.841	23.922.674.999
Số dư cuối năm	726.688.474	20.749.652.807	21.476.341.281

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 29.042.559.996 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 19.908.174.635 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	55.548.584.750
Tăng trong năm	15.928.150.127
Số dư cuối năm	71.476.734.877
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	32.463.149.980
Khấu hao trong năm	10.353.178.908
Số dư cuối năm	42.816.328.888
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	23.085.434.770
Số dư cuối năm	28.660.405.989

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 24.898.323.900 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 15.419.799.519 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

15. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	12.984.642.954	12.698.198.829
Tiền ký quỹ khác	225.872.545	369.672.545
	13.210.515.499	13.067.871.374

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
▪ Dự phòng phải trả khác	20%	929.922.198	1.255.661.415
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
▪ Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	20%	(30.718.147.242)	(17.700.055.244)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả - thuần		(29.788.225.044)	(16.444.393.829)

17. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2.500 triệu VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	17.690.764.818
Tiền nộp thêm trong năm	-	1.445.484.185
Tiền lãi phát sinh trong năm	1.187.686.882	863.750.997
Tiền lãi nhận được trong năm	(1.187.686.882)	-
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

2017
CHI
ÔNG
KI
PH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

18. Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền nộp Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.122.188.012	10.101.876.390
Tiền lãi phát sinh trong năm	20.254.129	20.311.622
Số dư cuối năm	10.142.442.141	10.122.188.012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

Lãi suất năm	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2025 VND	Vay trong năm VND	Trả trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2025 VND
Vay ngân hàng trong nước (i) 3,10% - 7,50%	1.186.844.500.000	33.634.102.155.000	(31.531.946.655.000)	-	3.289.000.000.000
Vay thấu chi ngân hàng (ii)	168.000.000.000	9.021.000.000.000	(9.189.000.000.000)	-	-
Vay ngân hàng nước ngoài (iii) 5,09% - 6,01%	10.887.780.000.000	12.048.240.000.000	(14.553.680.000.000)	4.985.000.000	8.387.325.000.000
	12.242.624.500.000	54.703.342.155.000	(55.274.626.655.000)	4.985.000.000	11.676.325.000.000

(i) Đây là các khoản vay ngắn hạn trong nước nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, có thời hạn vay là 1 năm với lãi suất năm dao động từ 3,10% đến 7,50%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi với tổng số tiền là 685 tỷ VND (1/1/2025: 330 tỷ VND) (Thuyết minh 5, Thuyết minh 7(a)).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, không có tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi (1/1/2025: 330 tỷ VND).

(iii) Đây là khoản vay tín chấp ngắn hạn với các ngân hàng nước ngoài nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, có thời hạn vay là 1 năm và chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu lãi biên từ 1,35% đến 1,80%/năm. Lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có đảm bảo (“SOFR”) áp dụng cho đồng Đô la Mỹ (“USD”) kỳ hạn 3 tháng và 12 tháng được niêm yết vào 08:00 giờ sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất SOFR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất SOFR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên (“lãi suất quy đổi”). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.796.794.911	179.942.632.524	(185.470.680.413)	39.268.747.022
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	3.959.828.280	52.725.670.880	(52.455.653.109)	4.229.846.051
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	45.001.102.112	332.201.244.866	(353.856.800.185)	23.345.546.793
Thuế nhà thầu nước ngoài	6.108.942.366	58.472.029.366	(58.292.547.218)	6.288.424.514
Thuế giá trị gia tăng	36.098.691	883.666.666	(506.964.913)	412.800.444
Thuế khác	568.248.540	9.201.240.956	(9.291.948.803)	477.540.693
	100.471.014.900	633.426.485.258	(659.874.594.641)	74.022.905.517

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay và phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái từ hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	84.672.977.607	64.985.126.811
Chi phí nhân viên	43.498.291.450	47.458.500.000
Chi phí môi giới chứng khoán	36.018.452.756	35.804.251.664
Chi phí bảo lãnh	43.715.745.103	60.220.224.800
Chi phí giao dịch chứng khoán	11.839.307.961	14.669.894.165
Các chi phí khác	12.368.489.404	10.950.901.586
	232.113.264.281	234.088.899.026

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	79.450.000.000	158.900.000.000
Phải trả cho Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina – một bên liên quan	-	75.000.000.000
Phải trả khác	5.744.263.902	3.513.455.429
	85.194.263.902	237.413.455.429

23. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2025 và ngày 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	659.050.000	6.590.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	545.550.000	5.455.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (i)	113.500.000	1.135.000.000.000
	659.050.000	6.590.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	545.550.000	5.455.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (i)	113.500.000	1.135.000.000.000
	659.050.000	6.590.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

- (i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-MAS-DHĐCĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ và chào bán cổ phần thêm 113.500.000 cổ phần ưu đãi tương đương 1.135 tỷ VND bằng hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

Căn cứ theo Quyết định số 6268/UBCK-QLKD ngày 13 tháng 10 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Việc tăng vốn điều lệ đã hoàn tất vào ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá là 10.000 VND. Cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Cơ cấu cổ đông của Công ty:

	Tại ngày 31/12/2025 và ngày 1/1/2025			
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu ưu đãi	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	544.458.900	99,8%	113.500.000	100,0%
Mirae Asset Global Investment (HK) Limited	545.550	0,1%	-	0,0%
PT Mirae Asset Sekuritas Indonesia	545.550	0,1%	-	0,0%
	545.550.000	100,0%	113.500.000	100,0%

Công ty mẹ, Mirae Asset Securities (HK) Limited, và công ty mẹ cấp cao nhất, Mirae Asset Capital Co., Ltd., được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 27 tháng 9 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức cố định hàng năm cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi là 7%, tương đương với số tiền là 79.450.000.000 VND (2024: 79.450.000.000 VND) (Thuyết minh 22).

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 3 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức năm 2023 với số tiền là 520.000.000.000 VND cho cổ đông phổ thông (tỷ lệ chi trả là 9,5316%/cổ phần). Cổ tức đã được chi trả tại ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

2025	Số lượng bán	Số tiền thu được VND	Tổng giá vốn (*) VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND	Lãi/(lỗ) thuần từ bán chứng khoán VND
Chứng chỉ tiền gửi	9.968	11.899.183.048.945	11.848.688.593.064	50.494.455.881	-	50.494.455.881
Cổ phiếu	7.448.523	440.163.673.997	428.374.232.408	2.101.330.286	(7.671.796.900)	(5.570.466.614)
Chứng chỉ quỹ	37.691.300	620.222.622.845	542.188.925.340	97.229.355.155	(1.835.749.447)	95.393.605.708
Trái phiếu	244.876.826	44.781.054.787.635	44.675.312.897.236	107.830.315.399	(2.088.425.000)	105.741.890.399
	290.026.617	57.740.624.133.422	57.494.564.648.048	257.655.456.721	(11.595.971.347)	246.059.485.374
Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				264.165.180.000	(391.207.475.000)	(127.042.295.000)
	290.026.617	57.740.624.133.422	57.494.564.648.048	521.820.636.721	(402.803.446.347)	119.017.190.374

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2024	Số lượng bán	Số tiền thu được VND	Tổng giá vốn (*) VND	Lãi từ bán chứng khoản VND	Lỗ từ bán chứng khoản VND	Lãi/(lỗ) thuần từ bán chứng khoán VND
Chứng chỉ tiền gửi	5.359.385	22.738.436.555.033	22.702.187.104.355	36.249.450.678	-	36.249.450.678
Cổ phiếu	21.518.250	711.784.939.870	706.189.509.072	13.853.478.742	(8.258.047.944)	5.595.430.798
Chứng chỉ quỹ	46.957.119	144.678.359.848	130.696.433.559	13.981.926.289	-	13.981.926.289
Trái phiếu	72.950.643	15.578.408.592.261	15.570.573.551.795	16.778.341.189	(8.943.300.723)	7.835.040.466
	146.785.397	39.173.308.447.012	39.109.646.598.781	80.863.196.898	(17.201.348.667)	63.661.848.231
Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai						
				81.991.214.000	(97.783.308.000)	(15.792.094.000)
	146.785.397	39.173.308.447.012	39.109.646.598.781	162.854.410.898	(114.984.656.667)	47.869.754.231

(*) Tổng giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng chỉ tiền gửi, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và trái phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL

2025	Giá gốc tại ngày 31/12/2025 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2025 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 31/12/2025 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại tại ngày 1/1/2025 VND	Chênh lệch (lỗ)/lãi đánh giá lại trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	2.724.631	705.700	(2.018.931)	244.590.906	(246.609.837)
Cổ phiếu chưa niêm yết	77.790.338	77.790.338	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	262.144.810.839	322.874.283.000	60.729.472.161	20.891.470.122	39.838.002.039
Chứng chỉ tiền gửi	254.600.188.000	254.600.188.000	-	-	-
Trái phiếu Chính phủ	307.655.500.000	307.655.500.000	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	802.349.080.174	802.349.080.174	-	-	-
	1.626.830.093.982	1.687.557.547.212	60.727.453.230	21.136.061.028	39.591.392.202

Bao gồm:

- **Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL** 52.277.454.417
- **Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL** (12.686.062.215)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2024	Giá gốc tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2024 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	97.425.791.229	97.670.382.135	244.590.906	(7.043.683.360)	7.288.274.266
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.593.865	5.593.865	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	240.913.701.878	261.805.172.000	20.891.470.122	3.961.501.018	16.929.969.104
Chứng chỉ tiền gửi	100.622.941.477	100.622.941.477	-	-	-
Trái phiếu Chính phủ	349.656.500.000	349.656.500.000	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	446.863.769.000	446.863.769.000	-	-	-
	1.235.488.297.449	1.256.624.358.477	21.136.061.028	(3.082.182.342)	24.218.243.370

Bao gồm:

- Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL
- Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL

25.690.005.563
 (1.471.762.193)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, các khoản đầu tư HTM, TSTC AFS, các khoản cho vay và phải thu**

	2025 VND	2024 VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		
▪ Thu nhập từ cổ tức	696.752.164	11.691.720.336
<hr/>		
Lãi từ các khoản đầu tư HTM		
▪ Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	71.386.794.209	118.958.618.200
▪ Thu nhập lãi từ đầu tư trái phiếu	1.234.956.511	15.793.150.686
	<hr/>	<hr/>
	72.621.750.720	134.751.768.886
<hr/>		
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		
▪ Thu nhập lãi từ cho vay giao dịch ký quỹ	1.582.286.891.368	1.430.890.438.637
▪ Thu nhập lãi từ tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng	129.091.029.712	123.437.141.902
	<hr/>	<hr/>
	1.711.377.921.080	1.554.327.580.539
<hr/>		
Lãi từ các tài sản tài chính AFS	481.701.000	481.648.013
	<hr/>	<hr/>
	1.785.178.124.964	1.701.252.717.774

26. Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	767.650.469.928	693.766.975.526
Phân bổ chi phí/(thu nhập) hợp đồng phòng ngừa rủi ro	30.647.040.347	(23.286.985.379)
Chi phí bảo lãnh	67.307.350.964	82.928.434.599
Chi phí khác	23.376.150.726	29.440.824.541
	<hr/>	<hr/>
	888.981.011.965	782.849.249.287



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	219.279.622.790	234.740.979.020
Chi phí hoa hồng cho nhân viên môi giới	100.162.862.389	129.658.791.819
Chi phí môi giới chứng khoán	124.176.838.429	122.661.083.610
Chi phí thuê văn phòng	45.720.747.085	43.027.797.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.451.894.017	18.222.562.919
Chi phí cho máy tính và các chi phí liên quan	19.866.838.098	13.970.156.318
Chi phí chứng khoán phái sinh	6.947.502.300	6.817.143.600
Chi phí khấu hao	16.623.550.831	13.235.249.185
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.675.090.507	4.355.002.123
Khác	12.337.971.568	12.859.032.091
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	568.242.918.014	599.547.797.917

28. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	136.536.780.157	113.446.594.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.369.287.422	40.875.513.081
Chi phí thuê văn phòng	13.140.017.817	9.517.721.117
Chi phí văn phòng phẩm	3.135.466.064	8.371.803.651
Chi phí khấu hao	4.063.376.695	3.598.061.131
Thuế, phí và lệ phí	1.906.565.196	4.364.896
Chi phí khác	3.005.820.876	9.525.491.390
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	198.157.314.227	185.339.549.934

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	178.088.580.583	162.195.766.216
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.854.051.941	475.775.612
	<hr/>	<hr/>
	179.942.632.524	162.671.541.828
	<hr/>	<hr/>
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Hoàn nhập và phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	325.739.217	(115.227.716)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	180.268.371.741	162.556.314.112
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	885.732.081.511	821.544.162.379
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	177.146.416.302	164.308.832.476
Thu nhập không bị tính thuế	(139.350.433)	(2.434.673.670)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.407.253.931	206.379.694
Dự phòng thiếu những năm trước	1.854.051.941	475.775.612
	<hr/>	<hr/>
	180.268.371.741	162.556.314.112
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Lãi đánh giá lại các tài sản tài chính AFS

	2025 VND	2024 VND
Lãi đánh giá lại các TSTC AFS – gộp	65.090.459.992	38.570.035.305
Chi phí thuế TNDN hoãn lại từ đánh giá lại các TSTC AFS	(13.018.091.998)	(7.714.007.061)
	<u>52.072.367.994</u>	<u>30.856.028.244</u>

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Mirae Asset Securities (HK) Limited		
Phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	65.305.160.321	82.928.434.599
Cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi phát sinh trong năm	79.450.000.000	79.450.000.000
Cổ tức cho cổ phiếu phổ thông phát sinh và đã trả trong năm	677.860.000.000	94.251.643.836
<i>Các công ty con, công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Mirae Asset Global Investment (HK) Limited		
Cổ tức phát sinh và đã trả trong năm	520.000.000	-
PT Mirae Asset Sekuritas Indonesia		
Cổ tức phát sinh và đã trả trong năm	520.000.000	-
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính Số Vina		
Phí dịch vụ	3.415.138.627	7.291.537.400
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)		
Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư HTM	-	1.887.671.233
Khoản vay phát sinh trong năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Trả khoản vay trong năm	300.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	15.195.205.479	6.349.315.068
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)		
Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	1.559.743.692	1.528.986.504
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	316.102.250	395.106.923
<i>Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Công ty TNHH Grooo International		
Chi phí phát triển và bảo trì hệ thống	8.480.611.198	-
Lương và thù lao của Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Lương, thưởng và phụ cấp khác	5.764.280.000	5.673.060.663

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Công ty có các số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Phải thu/(Phải trả)	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Mirae Asset Securities (HK) Limited		
Trích trước phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	43.715.745.103	60.220.224.800
Cổ tức phải trả	(79.450.000.000)	(158.900.000.000)
Phải thu khác	1.484.957.760	1.483.459.560
Các công ty con, công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam		
Đầu tư dài hạn khác	572.618.000	572.618.000
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính Số Vina		
Phải trả khác	-	(75.542.371.843)
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)		
Vay ngắn hạn	(300.000.000.000)	(300.000.000.000)
Phải trả khác	(14.332.191.781)	(6.349.315.068)
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)		
Phải thu phí tư vấn	142.725.281	135.788.377
Phải trả dịch vụ quản lý, tư vấn	(11.756.024)	(140.406.438)
Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt		
Công ty TNHH Grooo International		
Tạm ứng cung cấp dịch vụ phát triển và bảo trì hệ thống	4.250.543.000	-
Phải trả chi phí phát triển và bảo trì hệ thống	(1.890.861.659)	-



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

33. Các cam kết

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dưới một năm	67.954.978.558	57.663.642.020
Từ một đến năm năm	48.171.445.986	94.469.303.796
	<hr/>	<hr/>
	116.126.424.544	152.132.945.816
	<hr/>	<hr/>

(b) Cam kết theo hợp đồng tương lai

Vị thế mở đối với các hợp đồng tương lai tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Tại ngày 31/12/2025						
Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng mở	Giá thanh toán cuối ngày	Hệ số nhân	Vị thế mở VND
41I2FB000	22/10/2025	15/01/2026	1.654	2.029,0	100	335.596.600.000
<hr/>						
Tại ngày 1/1/2025						
Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng mở	Giá thanh toán cuối ngày	Hệ số nhân	Vị thế mở VND
VN30F2501	22/11/2024	16/1/2025	1.004	1.345,5	100	135.088.200.000
<hr/>						

(c) Cam kết theo hợp đồng kỳ hạn tiền tệ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản cam kết theo hợp đồng kỳ hạn tiền tệ để phòng ngừa rủi ro tỷ giá như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	VND	Tương đương USD	VND	Tương đương USD
Cam kết giao dịch kỳ hạn tiền tệ	4.562.660.000.000	176.000.000	10.880.660.600	435.000.000
	<hr/>		<hr/>	



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Hoàng Yến
Tổng Giám đốc